

Số: 1983 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

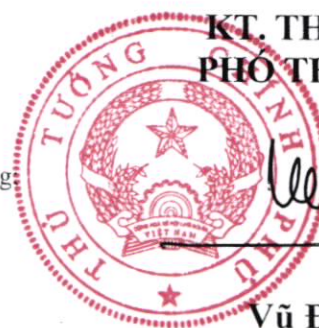
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu VT, KGVX (2b). 105

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**
Vũ Đức Đam



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Để triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 (sau đây gọi là Kết luận số 92-KL/TW), Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 (sau đây gọi là Nghị quyết số 15-NQ/TW) và Kết luận số 92-KL/TW, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức, trách nhiệm, hành động của các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân về chính sách xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Xác định các nhiệm vụ chủ yếu, cụ thể, khả thi từ nay đến năm 2023, phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, ngành, địa phương) tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Nghị quyết số 15-NQ/TW và Kết luận số 92-KL/TW.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm lộ trình và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định trong các kế hoạch, chương trình, đề án về chính sách xã hội, gắn với các mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của đất nước.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch chủ động, kịp thời, đồng bộ; các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao chủ trì hoạt động có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai đúng tiến độ, thực chất, hiệu quả.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến luật pháp, chính sách xã hội

- Thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về chính sách xã hội, khơi dậy tinh thần tự vươn lên của người dân và huy động nguồn lực thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Xây dựng, lồng ghép các nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về chính sách xã hội bảo đảm theo quy định tại Điều 20 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng thời lượng phát sóng chương trình truyền hình tiếng dân tộc thiểu số và ngôn ngữ ký hiệu.

- Biên soạn, phát hành tài liệu truyền thông với nội dung và hình thức phù hợp với mọi đối tượng, chú trọng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế; hướng dẫn truyền thông về chính sách xã hội.

- Phát hiện, biểu dương, tuyên truyền sâu rộng trong xã hội những mô hình tốt, cách làm hay và tấm gương tiêu biểu đóng góp vào thực hiện chính sách xã hội.

2. Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững

- Tổng kết, đánh giá các chính sách, pháp luật và các chương trình, đề án có liên quan; rà soát, phát hiện những vướng mắc, hạn chế, bất cập, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi và phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các cam kết quốc tế. Tăng cường hoạt động tham vấn và phát huy vai trò, sự tham gia của người dân đặc biệt là người yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn trong xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách xã hội.

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chế độ ưu đãi người có công theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, bảo đảm người có công được chăm sóc, ưu đãi toàn diện, gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn.

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo; tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai

đoạn 2021- 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo hướng bền vững, ưu tiên địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng hỗ trợ phát triển và nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, phù hợp, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân; nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực nông nghiệp, lao động phi chính thức; làm thay đổi nhận thức và thói quen của người dân tham gia bảo hiểm xã hội.

- Rà soát các chính sách, chương trình, đề án trợ giúp xã hội hiện hành, hoàn thiện chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội, đáp ứng kịp thời nhu cầu cơ bản của người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế và cộng đồng bị rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số, miền núi; nghiên cứu, xây dựng mức sống tối thiểu để làm cơ sở xác định đối tượng và mức trợ giúp xã hội; nghiên cứu nâng dần mức trợ cấp xã hội phù hợp với mức sống của từng nhóm đối tượng và điều kiện kinh tế xã hội của đất nước.

3. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân và phát triển thị trường lao động hiện đại và hội nhập

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách giáo dục quốc dân theo hướng mở, đa dạng hoá các loại hình đào tạo và học tập theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; xây dựng và nâng cao chất lượng xã hội học tập; xây dựng và triển khai đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo; xây dựng và củng cố nhà trẻ, nhà mẫu giáo trong các khu công nghiệp và vùng nông thôn; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ.

- Phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại và hội nhập; chú trọng đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nâng cao nguồn nhân lực gắn với chuyển đổi nghề nghiệp và quá trình cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; đẩy mạnh chuyển dịch lao động và thúc đẩy việc làm bền vững, chú trọng việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động nữ và các nhóm lao động đặc thù khác; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

4. Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của người dân, nhất là đối tượng yếu thế, người di cư và dân tộc thiểu số

- Tiếp tục phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội, dịch vụ chăm sóc xã hội; nhân rộng các mô hình tốt cách làm hay về chăm sóc xã hội và trợ giúp xã hội; phát triển đội ngũ cán bộ công tác xã hội chuyên nghiệp; phát huy vai trò của gia đình và cộng đồng trong hoạt động trợ giúp xã hội.

- Tiếp tục phát triển mạng lưới cơ sở y tế quốc gia; hoàn thiện cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cơ sở và y tế dự phòng; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện, đáp ứng sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số và nhu cầu của người dân.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về nhà ở xã hội; thực hiện có hiệu quả các chương trình nhà ở cho người nghèo, người dân vùng chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; chương trình nhà ở xã hội cho người di cư, người thu nhập thấp khu vực đô thị và công nhân khu công nghiệp.

- Tập trung đầu tư các công trình nước sạch trọng điểm bảo đảm an sinh xã hội; sửa đổi cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, tạo động lực thu hút nguồn xã hội hóa đầu tư, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn đối với các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về nguồn nước, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; nâng cao chất lượng thông tin truyền thông cho vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo.

5. Hiện đại hoá hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; thống nhất số hoá cơ sở dữ liệu; phát triển hệ thống quản lý và các ứng dụng công nghệ thông tin; hoàn thiện cơ chế quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu và thông tin; xây dựng mã số an sinh xã hội.

- Cải cách tài chính đối với chính sách xã hội trên cơ sở quản trị hiện đại, hiệu quả; đẩy mạnh thực hiện thanh toán các chế độ chính sách xã hội không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng, các ứng dụng thanh toán điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu tập trung.

6. Tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, gắn trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội.

- Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách xã hội tương xứng với khả năng, điều kiện phát triển kinh tế, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu cho người dân; ưu tiên trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội; thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân, doanh nghiệp trong thực hiện chính sách xã hội; tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm trong xây dựng và thực hiện chính sách xã hội.

- Động viên, khuyến khích các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách chủ động, tích cực vươn lên thoát nghèo và làm giàu.

7. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã ban hành tại Nghị quyết số 70/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chủ trì triển khai, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 và xây dựng Đề án trình Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII ban hành Nghị quyết mới về một số vấn đề về chính sách xã hội trong giai đoạn mới; xây dựng các đề án, chính sách pháp luật theo phân công tại Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi người có công theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; tổ chức chăm sóc xã hội cho người cao tuổi, người khuyết tật dựa vào cộng đồng; xây dựng các mô hình cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện hỗ trợ cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em và giảm nghèo theo hướng phân cấp, gắn với dịch vụ công trực tuyến; xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội; đẩy mạnh thực hiện thanh toán các chế độ chính sách ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương rà soát, hoàn thiện các quy định về chế độ, chính sách đảm bảo giáo dục tối thiểu, trong đó chú trọng các chính sách đối với người học và người dạy là người dân tộc thiểu số, người thuộc khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến; phát triển học liệu số, học liệu điện tử, học liệu mở; tiếp tục cập nhật kho học liệu số dùng chung, thư viện số hỗ trợ người học học từ xa, tự học và học tập suốt đời.

3. Bộ Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng các đề án, chính sách pháp luật theo phân công tại Kế hoạch này; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc toàn diện, đáp ứng sự hài lòng của người dân; hoàn thiện mạng lưới cơ sở y tế để đáp ứng với sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân và bệnh án điện tử.

4. Bộ Xây dựng: Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về nhà ở xã hội, phát triển các dịch vụ cung cấp nhà ở cho người thu nhập thấp khu vực đô thị và công nhân khu công nghiệp, người di cư và người dân vùng chịu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo các địa phương chủ động ban hành cơ chế, chính sách đặc thù theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cấp, xử lý, trữ nước an toàn giá thành hạ, phù hợp với từng vùng miền, nhất là trong trường hợp thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về chính sách xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương phát triển và nâng cao chất lượng đài truyền thanh cơ sở; phát triển hạ tầng viễn thông - internet băng thông rộng đến khu vực nông thôn, thiết lập trạm truyền thông đa phương tiện tại các điểm phục vụ bưu chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm phục vụ bưu chính và phục vụ người dân nông thôn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, chuyển đổi số phát triển nông nghiệp nông thôn.

7. Bộ Quốc phòng: Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

8. Ủy ban Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch có sử dụng vốn đầu tư phát triển.

10. Bộ Tài chính: Cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước để đảm bảo thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, an sinh xã hội theo các chương trình, đề án, chính sách đã được phê duyệt.

11. Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; đẩy mạnh thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng.

12. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai Kế hoạch tại địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động; hằng năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

13. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các tổ chức liên quan phối hợp với các cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.



Phụ lục
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 92-KL/TW NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2020
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA XI
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2012 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Cấp trình	Kết quả đầu ra
I	Tổ chức triển khai					
1	Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương V khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 và xây dựng Đề án trình Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII ban hành Nghị quyết mới về một số vấn đề về chính sách xã hội trong giai đoạn mới	Ban cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Đảng đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy	2023	Ban Chấp hành Trung ương Đảng	Nghị quyết
II	Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện					
1	Đề án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Việc làm	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2023	Quốc hội	Luật
2	Đề án Luật Khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi	Bộ Y tế	Bộ, ngành và địa phương	2022	Quốc hội	Luật
3	Đề án Luật Phòng bệnh, nâng cao sức khỏe	Bộ Y tế	Bộ, ngành và địa phương	2023	Quốc hội	Luật
4	Nghị định quy định chi tiết Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021	Chính phủ	Nghị định

STT	Nhiệm vụ/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Cấp trình	Kết quả đầu ra
5	Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ, ngành và địa phương	2021	Chính phủ	Nghị định
6	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông xã, thôn đặc biệt khó khăn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, bộ, ngành và địa phương	2022	Chính phủ	Nghị định
7	Chiến lược Quốc gia cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
8	Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Bộ Y tế	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
9	Chương trình quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
10	Chương trình phát triển nhà ở cho công nhân khu công nghiệp	Bộ Xây dựng	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, các địa phương	2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
11	Kế hoạch tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin đến năm 2030 và những năm tiếp theo	Bộ Quốc phòng	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định

STT	Nhiệm vụ/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Cấp trình	Kết quả đầu ra
12	Quyết định sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, các địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
13	Quyết định sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thuộc chương trình cụm tuyến dân cư và nhà ở ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2018 - 2020	Bộ Xây dựng	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
14	Quyết định thay thế Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo chuẩn nghèo mới	Bộ Xây dựng	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
15	Đề án mức sống tối thiểu để xác định đối tượng và chuẩn trợ giúp xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
III	Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở và phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại và hội nhập					
1	Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định

STT	Nhiệm vụ/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Cấp trình	Kết quả đầu ra
2	Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
3	Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
4	Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ, ngành và địa phương	2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
5	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
6	Đề án nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
IV	Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội chuyên nghiệp, đa dạng, linh hoạt cả về chất lượng và số lượng, đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của người dân					
1	Nghị định về công tác xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021	Chính phủ	Nghị định
2	Đề án Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
3	Đề án quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định

STT	Nhiệm vụ/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Cấp trình	Kết quả đầu ra
4	Đề án quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
5	Đề án Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Y tế	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
6	Đề án cấp nước sạch nông thôn giai đoạn 2021- 2025	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
7	Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành và địa phương	2021	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
V	Hiện đại hóa hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội					
1	Tiếp tục triển khai “Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030” theo Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành và địa phương	2021 - 2025		
VI	Tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội					
1	Chương trình huy động nguồn lực để xóa nhà tạm cho hộ nghèo	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Trung ương MTTQVN và địa phương	2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định